

Số: /2022/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 6 năm 2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Quản lý và sử dụng tài khoản truy nhập Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia quản lý thống nhất tài khoản truy nhập Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ có trách nhiệm cấp tài khoản cho các đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công

nghệ và xem xét cấp tài khoản cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ gửi yêu cầu đến Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia đề nghị cấp mới hoặc cấp lại tài khoản truy nhập vào Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ tại địa chỉ dk.vista.gov.vn.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản được cấp để khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN lên Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu lực, đơn vị quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Phương thức cập nhật qua tài khoản do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cấp.

Trường hợp tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, việc cập nhật thông tin được tiến hành theo thời gian thực.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin về nhiệm vụ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nội dung sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều 6 có trách nhiệm cập nhật thông tin nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 12 như sau:

“b) 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đóng bìa cứng, gáy vuông, trên trang bìa lót bên trong phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức;”

b) Bổ sung khoản 3a Điều 12 như sau:

“3a. Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi bảo đảm qua đường bưu chính: tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký và giao nộp các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Hệ thống đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, bộ, ngành và địa phương; giao nộp tài liệu được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 tại các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký quy định tại Điều 11 Thông tư này”.

4. Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 12 như sau:

“e) 01 bản sao Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu có xác nhận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3a Điều 12 Thông tư này.”

6. Sửa đổi Khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Phương thức cập nhật qua tài khoản do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cấp.

Trường hợp tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, việc cập nhật thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tự động cập nhật.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị xử lý theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13/6/2019 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học

và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử, Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 và các quy định pháp luật hiện hành.”

8. Thay thế Mẫu 5 và Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. *Dữ liệu chủ* là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh, mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi, độc lập; được sử dụng liên tục và nhất quán trong các tương tác, giao dịch liên quan trên toàn hệ thống.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ bao gồm các thông tin quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

2. Dữ liệu chứa thông tin về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

3. Dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được thu thập từ các tài liệu, dữ liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ký duyệt, xác nhận theo quy định của pháp luật hoặc từ các nguồn được xác thực khác.

4. Thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ có giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính”.

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 2a tại Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

b) Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau:

“2a. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được kết nối và chia sẻ với các hệ thống thông tin khác phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

4. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. An toàn, an ninh thông tin mạng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và các quy định hiện hành về an toàn, an ninh thông tin.

2. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cần đạt cấp độ 3 trở lên, tiêu chí xác định cấp độ 3 trong bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

3. Bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, sẵn sàng trong quá trình lưu trữ, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu. Áp dụng kỹ thuật mã hóa, thiết lập mật mã, ứng dụng chữ ký số và các cơ chế sao lưu dự phòng, ngăn chặn, kiểm soát mã độc tấn công dữ liệu.

4. Bảo đảm bảo mật thông tin dữ liệu trong hoạt động chuyển đổi số và lưu trữ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

5. Bảo mật thông tin tài khoản được cấp trong quá trình sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Khi có dấu hiệu mất an toàn, an ninh cần liên hệ với đơn vị quản lý trực tiếp để được hướng dẫn xử lý, khắc phục.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thông tin về Tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm:”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thông tin về Tổ chức khoa học và công nghệ được quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ. Các tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp và định kỳ cập nhật thông tin quy định tại khoản 1 Điều 8 vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”

6. Sửa đổi, bổ sung các khoản tại Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thông tin về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm:”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thông tin về Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ. Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có trách nhiệm cung cấp và cập nhật thông tin quy định tại khoản 1 Điều 9 khi có thay đổi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”

7. Sửa đổi, bổ sung các khoản tại Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thông tin về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Thông tin về Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quản lý tập trung tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh để cung cấp và cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phân cấp tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN.”.

8. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thông tin về sở hữu công nghiệp

1. Thông tin sở hữu công nghiệp bao gồm các thông tin đã được công bố nêu dưới đây, được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với mục đích tra cứu:

a) Các đơn đăng ký sở hữu công nghiệp;

b) Các văn bằng bảo hộ đã được cấp và các quyền sở hữu công nghiệp đã được thừa nhận bảo hộ tại Việt Nam.

2. Thông tin về sở hữu công nghiệp được tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ từ Cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ thông qua phương thức kết nối trực tuyến trên môi trường mạng.”

9. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Thông tin về tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Thông tin tiêu chuẩn đo lường chất lượng bao gồm:

a) Thông tin thư mục tiêu chuẩn quốc gia;

b) Thông tin thư mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

c) Thông tin các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã đăng ký, được chỉ định;

d) Thông tin giải thưởng chất lượng quốc gia;

đ) Thông tin danh mục chuẩn đo lường quốc gia được phê duyệt và danh sách tổ chức được chỉ định giữ chuẩn đo lường quốc gia;

e) Thông tin về tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký, được chỉ định tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

g) Thông tin tổ chức đã được tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm;

h) Thông tin chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn, tổ chức đào tạo, tổ chức đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2. Thông tin tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tích hợp từ Cơ sở dữ liệu của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông qua phương thức kết nối, chia sẻ trực tuyến trên môi trường mạng.”

10. Bổ sung các Điều 18a sau Điều 18 như sau:

“18a. Kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ được kết nối và chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương thông qua phương thức trực tuyến trên môi trường mạng.

2. Dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chia sẻ theo hình thức mặc định. Các dữ liệu còn lại có thể chia sẻ theo hình thức mặc định hoặc theo yêu cầu đặc thù.

3. Bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, nâng cao hiệu quả tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ và thống nhất theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BKHHCN ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;

4. Thực hiện tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu tuân thủ theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.”

11. Sửa đổi, bổ sung tại Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;”;

b) Bổ sung điểm i khoản 2 như sau:

“i) Phối hợp với Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin dữ liệu theo thẩm quyền; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với bộ ngành và địa phương.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ, đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thu thập, cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ”.

nghệ thuộc thẩm quyền quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.”.

13. Sửa đổi khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Thực hiện các biện pháp quản lý quyền truy cập và cập nhật các thông tin thuộc phạm vi quản lý để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và hạ tầng kỹ thuật thông tin.”

14. Bổ sung Điều 34a sau Điều 34 như sau:

“Điều 34a. Xử lý vi phạm

Tổ chức khoa học và công nghệ, cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ sẽ không được ưu tiên xem xét giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.”.

Điều 3. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, Điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 và một số Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư

a) Bãi bỏ các điều, khoản, điểm sau đây:

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 6.
- Bãi bỏ Điều 8.
- Bãi bỏ Điều 9.
- Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 12.
- Bãi bỏ Điều 17.
- Bãi bỏ khoản 3 Điều 23.
- Bãi bỏ khoản 3 Điều 24.
- Bãi bỏ khoản 2 Điều 27.

b) Bãi bỏ các Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư sau đây:

- Bãi bỏ Mẫu 3.
- Bãi bỏ Mẫu 4.
- Bãi bỏ Mẫu 13.
- Bãi bỏ Mẫu 14.

2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017

a) Bổ sung cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Bổ sung cụm từ “kết nối, chia sẻ” vào sau cụm từ “Thông tư này quy định về việc xây dựng, quản lý” tại khoản 1 Điều 1.

- Bổ sung cụm từ “kết nối, chia sẻ” vào sau cụm từ “Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý” tại tên Điều 5.

b) Thay thế cụm từ tại các điểm, khoản, Điều, Chương như sau:

- Thay thế cụm từ “Cơ sở dữ liệu thành phần” thành cụm từ “Nội dung thông tin” tại tên Chương II.

- Thay thế cụm từ “Cơ sở dữ liệu” thành cụm từ “Thông tin” tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15.

- Thay thế cụm từ “xử lý và cập nhật” thành cụm từ “kết nối và chia sẻ dữ liệu” tại tên Chương III.

- Thay thế khoản 3 tại Điều 26 “3. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xây dựng, quản trị và vận hành cơ sở dữ liệu thành phần được quy định tại các Điều 15, 16 và 17 của Thông tư này.” thành “3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ”.

b) Bỏ cụm từ “cơ sở dữ liệu thành phần” tại các khoản 1, 2 và 3 tại Điều 18 và khoản 4 tại Điều 24

c) Bãi bỏ các điểm, khoản, điều sau đây:

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 3.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 5.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 9.

- Bãi bỏ Điều 19.

- Bãi bỏ Điều 21.

- Bãi bỏ điểm a và điểm b của khoản 3 Điều 24.

- Bãi bỏ điểm e tại khoản 2 và bãi bỏ khoản 3 Điều 26.

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 29.

- Bãi bỏ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 31.

- Bãi bỏ Điều 32.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Quy định chuyển tiếp đối với Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014

- Việc thực hiện cung cấp thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 5 Điều 7; báo cáo tổng hợp thông tin về nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 tiếp tục thực hiện cho đến khi thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

- Việc xử lý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 tiếp tục thực hiện cho đến khi thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

b) Quy định chuyển tiếp đối với Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Đối với nhiệm vụ thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp dữ liệu thông tin quy định khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ tiếp tục thực hiện cho đến khi thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TTKHCN.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU ĐƯỢC THAY THẾ
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BKHCN ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Mẫu 5. Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Mẫu 12. Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian thực hiện: tháng, (bắt đầu từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)
14. Danh sách cá nhân tham gia nhiệm vụ (ghi họ tên, chức danh khoa học và học vị): ⁽⁴⁾
15. Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức được thành lập theo Quyết định số..... ngày.... tháng ... năm của:..... ⁽⁵⁾
16. Họp nghiệm thu chính thức ngày ... tháng ... năm ... tại:.....
17. Hồ sơ giao nộp (ghi số lượng cụ thể): <ul style="list-style-type: none"> 17.1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử); 17.2. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử); 17.3. Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có, bản điện tử); 17.4. Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản giấy hoặc bản điện tử); 17.5. Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu có xác nhận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và của tổ chức chủ trì nhiệm vụ 17.6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các thành viên về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có, bản giấy hoặc bản điện tử); 17.7. Tài liệu khác.
18. Ngày tháng năm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
19. Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký và ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Ghi đúng theo thuyết minh ban đầu. Nếu có sự thay đổi, phải ghi theo sự thay đổi và nộp kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về sự thay đổi đó. Khi đăng ký cần bổ sung thêm Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt để đối chiếu (bản giấy hoặc bản điện tử).

⁽⁵⁾ Ghi tên cơ quan ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ⁽¹⁾
TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ
ỨNG DỤNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

Báo cáo lần thứ:

Năm báo cáo:

PHIẾU THÔNG TIN
VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng cho tất cả loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ)

1.1. Tên nhiệm vụ:

1.2. Loại hình nhiệm vụ (đánh dấu vào mục phù hợp):

Đề tài khoa học và công nghệ

Đề án khoa học

Dự án SXTN

Dự án khoa học và công nghệ

1.3. Cấp quản lý nhiệm vụ: Quốc gia Bộ Tỉnh Cơ sở

1.4. Mã số nhiệm vụ:

1.5. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả:

1.6. Họ và tên chủ nhiệm vụ:

1.7. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: ngày ... tháng ... năm

1.8. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

1.9. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

1.10. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

(Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao công nghệ không)

1.11. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế-xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):

⁽¹⁾ Ghi tên bộ chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ quản của cơ quan cấp đăng ký tại bộ, ngành hoặc địa phương.

⁽²⁾ Ghi tên đầy đủ của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

.....
.....
.....
.....
1.12. Địa chỉ ứng dụng:
.....
.....

1.13. Thời gian ứng dụng (từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)

II. PHÂN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ)

• **Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ**

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:
(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học tự nhiên | <input type="checkbox"/> Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Khoa học nông nghiệp | <input type="checkbox"/> Khoa học y-dược |
| <input type="checkbox"/> Khoa học xã hội | <input type="checkbox"/> Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

- Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN Phát triển công nghệ mới
 Cơ sở để hình thành Đề án KH Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế
 Hình thức khác:

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bằng sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước:

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế:

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? (đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...):

.....
.....
2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? (cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có):

• **Áp dụng đối với Đề án khoa học**

2.1. Kết quả của đề án được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?
(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp):

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học tự nhiên | <input type="checkbox"/> Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Khoa học nông nghiệp | <input type="checkbox"/> Khoa học y-dược |
| <input type="checkbox"/> Khoa học xã hội | <input type="checkbox"/> Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề án khoa học được sử dụng để hình thành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào? (có thể nêu cụ thể những quyết định, văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn do đề án nghiên cứu được):

• **Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm**

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng (có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không? ,.....):

.....
.....

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

.....
.....

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:

.....
.....

• **Áp dụng đối với Dự án khoa học và công nghệ**

2.1. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình công nghệ dựa từ kết quả của Dự án khoa học và công nghệ:

.....
.....

2.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

.....
.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ
(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)